

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **870** /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **31** tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2015,  
dự toán ngân sách năm 2017**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân được thành lập theo quy định của pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2015; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 980/STC-NS ngày 23 tháng 3 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2015 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 (theo các Phụ biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TKCT.

Gửi: + Bản giấy: Các TP không nhận được ĐT;  
+ Bản ĐT: Các TP còn lại.



**Đặng Quốc Khánh**

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
<b>I</b>	<b>Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>31.922.666</b>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	7.086.513
2	Thu từ dầu thô	
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu (số cân đối)	5.039.264
4	Thu viện trợ không hoàn lại	
5	Thu vay theo khoản 3, Điều 8, Luật NSNN	130.000
6	Thu kết dư	154.003
7	Thu chuyển nguồn	3.615.478
8	Thu được để lại chi quản lý qua NSNN	424.148
9	Thu bổ sung từ NSTW	15.471.622
10	Thu NS cấp dưới nộp lên	1.638
<b>II</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>26.734.357</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	6.937.468
	- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%	1.842.974
	- Các khoản thu phân chia ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.094.494
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	15.471.622
	- Bổ sung cân đối	8.381.703
	- Bổ sung có mục tiêu	7.089.919
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN	130.000
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	3.615.478
5	Thu kết dư	154.003
6	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	1.638
7	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	424.148
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>26.600.843</b>
1	Chi đầu tư phát triển	5.176.514

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
2	Chi thường xuyên	8.744.067
3	Chi trả nợ (cả gốc và lãi) các khoản tiền huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.340
5	Dự phòng (đối với dự toán)	
6	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	3.928.051
7	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	8.041.121
8	Chi chương trình MTQG, CT 135, 5 triệu ha rừng	283.964
9	Chi để lại chi quản lý qua NSNN	424.148
10	Chi cấp dưới nộp lên	1.638

*7A*

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ NGÂN SÁCH CỦA HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH  
NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>16.040.222</b>
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	5.445.087
	- Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	1.795.881
	- Các khoản thu ngân sách phân chia phần ngân sách cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.649.206
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	7.430.500
	- Bổ sung cân đối	3.949.261
	- Bổ sung có mục tiêu	3.481.239
3	Thu khác	3.164.635
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>15.944.245</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	10.577.843
2	Chi bổ sung từ ngân sách trung ương	5.366.402
	- Bổ sung cân đối	3.511.244
	- Bổ sung có mục tiêu	1.855.158
3	Chi khác	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH (BAO GỒM NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ)</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	<b>10.694.135</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp:	1.492.381
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	47.093
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.445.288
2	Thu khác	9.201.754
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	<b>10.656.598</b>

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>31.922.666</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu các khoản cân đối ngân sách nhà nước</b>	<b>16.025.258</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>7.086.513</b>
1	Thu từ kinh tế quốc doanh	879.745
	- Thuế giá trị gia tăng	381.133
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.872
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	430.713
	- Thuế môn bài	503
	- Thuế tài nguyên	14.705
	- Thu khác	819
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.351.796
	- Thuế giá trị gia tăng	897.775
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.678
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	151
	- Thuế tài nguyên	918
	- Thu khác	2.274
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	980.083
	- Thuế giá trị gia tăng	767.181
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.162
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	6.339
	- Thuế môn bài	17.191
	- Thuế tài nguyên	45.316
	- Thu khác	29.894
4	Lệ phí trước bạ	275.793

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	541
6	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	196.901
7	Thuế bảo vệ môi trường	373.878
8	Thu phí, lệ phí	1.182.159
9	Các khoản thu về đất và khoáng sản	1.605.871
a	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	11.100
b	<i>Thuế thu cấp quyền khai thác</i>	184.472
c	<i>Thu tiền thuê đất</i>	170.724
d	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.239.575
10	Thu xổ số kiến thiết	5.413
11	Thu bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	379
12	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã	83.205
13	Thu khác ngân sách	150.749
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	
<b>III</b>	<b>Thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu do Hải quan thu</b>	<b>5.039.264</b>
1	Thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng NK	662.365
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (thực thu trên địa bàn)	4.358.968
3	Thuế bổ sung đối với hàng nhập khẩu vào VN	44
4	Thuế BVMT do Hải quan thực hiện	16.382
5	Thu khác	1.505
<b>IV</b>	<b>Thu huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN</b>	<b>130.000</b>
<b>V</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>154.003</b>
<b>VI</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>3.615.478</b>
<b>B</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</b>	<b>424.148</b>
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	379.276
2	Viện trợ không hoàn lại	
3	Khác	44.871
<b>C</b>	<b>Thu bổ sung từ NS cấp trên</b>	<b>15.471.622</b>
<b>D</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp lên</b>	<b>1.638</b>
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>26.734.357</b>

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>26.310.209</b>
1	Các khoản thu hưởng 100%	1.842.974
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) NSDP được hưởng	5.094.494
3	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	15.471.622
4	Thu kết dư	154.003
5	Thu huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN	130.000
6	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	3.615.478
7	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên	1.638
<b>B</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</b>	<b>424.148</b>
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng	379.276
2	Viện trợ không hoàn lại	
3	Khác	44.871



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015***(Kèm theo Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 8/13/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Quyết toán
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>26.600.843</b>
<b>A</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>18.133.936</b>
I	Chi đầu tư phát triển	5.176.514
	<i>Trong đó :</i>	
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
	- Chi khoa học, công nghệ	
II	Chi thường xuyên	8.744.067
	<i>Trong đó :</i>	
1	Chi Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.345.441
2	Chi Khoa học, công nghệ	30.157
III	Chi trả nợ gốc và lãi huy động đầu tư CSHT theo khoản 3 Điều 8 của Luật NSNN.	
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.340
V	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	3.928.051
VI	Chi CT MTQG, CT 135, CT 5 triệu ha rừng	283.964
<b>B</b>	<b>Các khoản chi được quản lý qua NSNN</b>	<b>424.148</b>
<b>C</b>	<b>Các khoản nộp NS cấp trên</b>	<b>1.638</b>
<b>D</b>	<b>Chi bổ sung cho NS cấp dưới</b>	<b>8.041.121</b>



**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 13/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
<b>I</b>	<b>Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</b>	<b>15.235.477</b>
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	6.000.000
2	Thu từ dầu thô	
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu (số cân đối)	1.700.000
4	Thu vay	100.000
5	Thu được để lại chi quản lý qua NSNN	70.286
6	Thu bổ sung từ NSTW	7.365.191
<b>II</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>12.965.177</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	5.499.986
	- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%	243.000
	- Các khoản thu phân chia ngân sách địa phương hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.256.986
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	7.365.191
	- Bổ sung cân đối	5.719.191
	- Bổ sung có mục tiêu	1.646.000
3	Thu vay	100.000
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	
<b>III</b>	<b>Chi ngân sách địa phương</b>	<b>12.965.177</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.791.713
2	Chi thường xuyên	9.029.869
3	Chi trả nợ (cả gốc và lãi) các khoản tiền huy động đầu tư theo khoản 5 Điều 7 của Luật NSNN	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.340
5	Dự phòng (đối với dự toán)	239.730
6	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Dự toán</b>
7	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	
8	Chi các chương trình MTQG	387.525
9	Chi theo các chính sách, chế độ khác	100.000
10	Chi một số nhiệm vụ BTC hỗ trợ	260.000
11	Chi khác	155.000

*[Handwritten signature]*

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH  
VÀ NGÂN SÁCH CỦA HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH  
NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>10.768.491</b>
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	3.303.300
	- Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	652.848
	- Các khoản thu ngân sách phân chia phần ngân sách cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.650.452
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	7.365.191
	- Bổ sung cân đối	5.719.191
	- Bổ sung có mục tiêu	1.646.000
3	Thu khác	100.000
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>10.768.491</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể số bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	6.372.961
2	Chi bổ sung từ ngân sách trung ương	4.395.530
	- Bổ sung cân đối	4.395.530
	- Bổ sung có mục tiêu	
3	Chi khác	
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH (BAO GỒM NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ)</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	<b>2.696.700</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp:	2.696.700
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	147.152
	- Các khoản thu phân chia phần ngân sách huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.549.548
2	Thu khác	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh</b>	<b>2.696.700</b>

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 1/3/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>15.235.477</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu các khoản cân đối ngân sách nhà nước</b>	<b>7.800.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước</b>	<b>6.100.000</b>
1	Thu từ kinh tế quốc doanh	1.256.872
	- Thuế giá trị gia tăng	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	
	- Thuế tài nguyên	
	- Thu khác	
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.014.000
	- Thuế giá trị gia tăng	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	
	- Thuế tài nguyên	
	- Thu khác	
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	960.000
	- Thuế giá trị gia tăng	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
	- Thuế môn bài	
	- Thuế tài nguyên	
	- Thu khác	
4	Lệ phí trước bạ	325.000



STT	Chỉ tiêu	Dự toán
5	Thu xổ số kiến thiết	7.000
6	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	233.900
7	Thuế bảo vệ môi trường	550.000
8	Thu phí, lệ phí	98.000
9	Các khoản thu về đất và khoáng sản	1.410.228
	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	9.588
	<i>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</i>	280.450
	<i>Thu tiền thuê đất</i>	120.190
	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.000.000
10	Thu vay	100.000
11	Thu tại xã	45.000
12	Thu khác ngân sách	100.000
<b>II</b>	<b>Thu từ đầu thô</b>	
<b>III</b>	<b>Thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu do Hải quan thu</b>	<b>1.700.000</b>
1	Thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng NK	
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu (thực thu trên địa bàn)	
3	Thu chênh lệch giá hàng nhập khẩu	
<b>IV</b>	<b>Thu huy động đầu tư theo khoản 5 Điều 7 của Luật NSNN</b>	
<b>V</b>	<b>Thu kết dư</b>	
<b>B</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</b>	<b>70.286</b>
1	Phí môi trường	1.800
2	Thu phí dịch vụ VH, TT, DL	170
3	Thu từ kết quả chống buôn lậu, xử phạt, tịch thu cấp lại	40.000
4	Thu từ các hoạt động HCSN, các khoản thu khác	28.316
<b>C</b>	<b>Thu bổ sung từ NS cấp trên</b>	<b>7.365.191</b>
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>12.965.177</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>12.894.891</b>
1	Các khoản thu hưởng 100%	243.000
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) NSĐP được hưởng	5.186.700

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
3	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	7.365.191
4	Thu vay	100.000
5	Thu huy động đầu tư theo khoản 5 Điều 7 của Luật NSNN	
6	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang	
<b>B</b>	<b>Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN</b>	<b>70.286</b>
1	Phí môi trường	1.800
2	Thu phí dịch vụ VH, TT, DL	170
3	Thu từ kết quả chống buôn lậu, xử phạt, tịch thu cấp lại	40.000
4	Thu từ các hoạt động HCSN, các khoản thu khác	28.316

*Handwritten mark*

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 2/13/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>12.965.177</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.791.713</b>
	<i>Trong đó:</i>	
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
	- Chi khoa học, công nghệ	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.883.411</b>
	<i>Trong đó:</i>	
	Chi Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.700.929
	Chi Khoa học, công nghệ	37.952
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc và lãi huy động đầu tư CSHT theo khoản 5 Điều 7 của Luật NSNN</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.340</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng (đối với dự toán)</b>	<b>239.730</b>
<b>VI</b>	<b>Chi CT MTQG</b>	<b>387.525</b>
<b>VII</b>	<b>Chi theo chính sách, chế độ khác</b>	<b>661.458</b>